TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ - ST
Ngày 28 - 9 - 2017
V/v: Ly hôn giữa anh Đ
và chị N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN SƠN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hoàng Bá Thị;
Ông Nguyễn Đình Quý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2017/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2017/QĐST – HNGĐ ngày 14/9/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Hà Kim Đ**, sinh năm 1970; (có mặt);
Địa chỉ: Xóm C, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ
Bị đơn: **Chị Hạ Thị N**, sinh năm 1971; (vắng mặt).
Địa chỉ: Xóm C, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2017 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn anh Hà Kim Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hạ Thị N trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 12/11/1987, anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Th, tỉnh Vĩnh Phú (nay là huyện T, tỉnh Phú Thọ). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 24 (hai mươi tư) năm. Đến năm 2012 do hoàn cảnh gia đình khó khăn, anh, chị mỗi người làm việc một nơi nên vợ chồng không thấu hiểu, chia sẻ với nhau. Chị N đi làm không gửi tiền về để cùng anh trang trải nợ nần, chăm sóc gia đình. Kể từ thời điểm đó đến nay, anh chị đã sống ly thân, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Hai bên đã được gia đình, khu dân cư hòa giải, khuyên bảo nhiều lần để cải thiện quan hệ hôn nhân N mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện tình cảm không còn, rạn nứt giữa anh chị đã không thể hàn gắn. Vì vậy, anh Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 02 (hai) con chung là cháu Hà Mạnh C, sinh năm 1988 và cháu Hà Văn D, sinh năm 1990. Các cháu đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung của vợ chồng.

Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn, chị Hạ Thị N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án N vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, chị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N xác nhận thời điểm vợ chồng đăng ký kết hôn như anh Đ trình bày là đúng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như anh Đ trình bày là đúng. Nay anh Đ xin ly hôn, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung như anh Đ trình bày là đúng, hiện các cháu đã trưởng thành, có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ của vợ chồng:

Năm 2004, vợ chồng anh chị xây một ngôi nhà cấp IV trên diện tích đất mượn của bố mẹ chồng cho tại xóm C, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ, trị giá ngôi nhà khoảng 60.000.000VNĐ (sáu mươi triệu đồng).

Vợ chồng chị nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T 13.000.000VNĐ (mười ba triệu đồng); nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện T 10.000.000VNĐ (mười triệu đồng).

Khi ly hôn, chị để cho anh Đ được sở hữu ngôi nhà và có trách nhiệm trả toàn bộ các khoản nợ nêu trên, đồng thời thanh toán cho chị 20.000.000VNĐ (hai mươi triệu đồng) tiền chênh lệch tài sản. Nếu anh Đ không thanh toán số tiền trên cho chị thì chị không đồng ý ly hôn anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật;

Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Anh Đ và chị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 20 (hai mươi) năm. Đến năm 2012, anh, chị phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng ly thân. Mâu thuẫn giữa anh Đ và chị N là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ.

Đối với các quan hệ về con chung, tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Về án phí dân sự, anh Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Anh Hà Kim Đ có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn chị Hạ Thị N. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn cố tình vắng mặt, Tòa án xác định đây là vụ án không tiến hành hòa giải được và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Tại phiên tòa, chị N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng N vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn xét xử vắng mặt chị N là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 12/11/1987, anh Hà Kim Đ và chị Hạ Thị N đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Th, tỉnh Vĩnh Phú (nay là huyện T, tỉnh Phú Thọ), đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh Đ và chị N đều cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được 24 (hai mươi tư) năm. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng mỗi người làm việc một nơi, dẫn đến hai bên không tin tưởng nhau. Anh chị đã ly thân từ năm 2012 đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Anh chị đã được gia đình, khu dân cư khuyên bảo, hòa giải để về đoàn tụ. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị N đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ đối với chị N là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Về nuôi con chung: Hai bên đều xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Hà Mạnh C, sinh năm 1988 và cháu Hà Văn D, sinh năm 1990. Hiện các cháu đã trưởng thành có gia đình riêng nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Xét yêu cầu của anh chị là chính đáng. Bởi vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi con chung của anh Đ, chị N là phù hợp.

- Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ nêu trên. Chị N có yêu cầu Tòa án giao cho anh Đ sở hữu

tài sản chung; anh Đ có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho chị, trả nợ các khoản vay Ngân hàng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự thì *"Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó".*

Như vậy, theo quy định được viện dẫn ở trên, Tòa án chỉ được thụ lý và giải quyết vụ việc dân sự trong phạm vi đơn khởi kiện.

Mặt khác, tại khoản 1 Điều 6 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định *"đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp"*. Tiếp đó, tại khoản 5 Điều 70 của Bộ luật này cũng quy định nghĩa vụ của đương sự phải *"cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình"*.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị N cố ý vắng mặt, không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Bị đơn, không cung cấp các chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp pháp. Do đó, chưa có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết các yêu cầu của chị trong vụ án này.

Căn cứ vào các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết quan hệ tài sản trong vụ án này là phù hợp. Khi anh Đ, chị N có yêu cầu giải quyết chia tài sản, công nợ, công sức của vợ chồng thì anh chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ việc khác.

- Về án phí: Anh Đ là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Anh Hà Kim Đ và chị Hạ Thị N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa anh Hà Kim Đ và chị Hạ Thị N.
2. **Về nuôi con chung:** Không đặt ra giải quyết.
3. **Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:** Không đặt ra giải quyết.
4. **Án phí dân sự sơ thẩm:** Anh Hà Kim Đ phải chịu 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Xác nhận anh Đ đã nộp là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2017/0002268 ngày 25/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Sơn.
5. **Về quyền kháng cáo:** Anh Hà Kim Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, chị Hạ Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã M;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)
Nguyễn Thị Hồng Mai